TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CH S** **TỈNH G L**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2018/QĐST- HNGĐ	*Ch S, ngày 26 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T L, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Ngọc Đ và chị Bùi Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Nguyễn Ngọc Đ và chị Bùi Thị H có 01 con chung là cháu: Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 23/4/2016, hiện nay cháu đang ở với chị H.

Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu Th 1.000.000đ/tháng, kể từ ngày 01/4/2018 cho đến khi cháu Th thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị H được nhận số tiền này để nuôi cháu Th.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Vì lợi ích của con chung anh Nguyễn Ngọc Đ và chị Bùi Thị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở việc anh thực hiện quyền này. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc Đ và chị Bùi Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Ngọc Đ và chị Bùi Thị H mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng anh Đ tự nguyện nộp thay phần án phí của chị H phải nộp, nên phần án phí mà anh Đ phải nộp là 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp trước đây theo biên lai số 0001693 ngày 05/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- UBND thị trấn Chư Sê (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản);

Nguyễn Đình Hiếu